

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GIAO LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *309*/QĐ-UBND

Giao Long, ngày 25 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 trình HĐND xã
phê chuẩn**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIAO LONG

- Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;
- Căn cứ Quyết định số: 7289/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Giao Thủy về việc giao dự toán ngân sách năm 2025;

Xét đề nghị của cán bộ tài chính kế toán ngân sách xã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của xã Giao Long trình HĐND xã phê chuẩn (theo các biểu đính kèm)

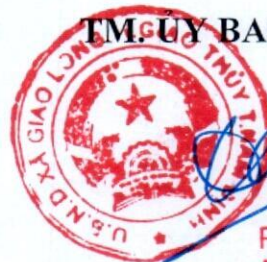
- Thời gian công khai: Từ ngày 25 tháng 12 năm 2024 đến hết ngày 23 tháng 01 năm 2025
- Hình thức công khai:
 - + Niêm yết công khai tại bảng thông tin nhà văn hóa trung tâm xã;
 - + Phát trên hệ thống loa truyền thanh xã
 - + Niêm yết trên cổng thông tin điện tử

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND, Ban tài chính tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Giao Thủy;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Lưu VP.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

TRẦN HỮU NHẠC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BẮT ĐẦU CÔNG KHAI

**Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 trình HĐND xã
phê chuẩn**

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11, ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

- Căn cứ Quyết định số: 7289/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Giao Thủy về việc giao dự toán ngân sách năm 2025;

Hôm nay, hồi 8 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Giao Long tổ chức công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 trình HĐND xã phê chuẩn như sau:

1. Thành phần:

1. Thành phần:

1/ Ông Trần Văn Phong - Chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã;

2/ Ông Bùi Văn Sắc - Chủ tịch UBMT tổ quốc xã;

3/ Bà Phạm Thị Lương - Công chức VP HĐND&UBND xã;

4/ Bà Trần Thị Thoi - Công chức tài chính – kế toán;

5/ Bà Lê Thị Diệu - Công chức văn hóa;

Chủ trì: Ông Trần Văn Phong – Chủ trì.

Thư ký: Đ/c Phạm Thị Lương – Cán bộ VP HĐND&UBND xã.

2. Nội dung công khai:

Công bố công khai: Số liệu dự toán ngân sách năm 2025 trình HĐND xã phê chuẩn.

3. Hình thức công khai:

- + Niêm yết công khai tại nhà văn hóa xã, Trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã;
- + Niêm yết trên cổng thông tin điện tử.
- + Phát trên hệ thống loa truyền thanh

4. Địa điểm công khai: Trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã;

5. Thời gian niêm yết công khai: là 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết

5.1. Thời điểm bắt đầu niêm yết: 25/12/2024

5.2. Thời điểm kết thúc niêm yết: 23/01/2025

Các ý kiến liên quan đến nội dung công khai, đề nghị cán bộ, công chức phản ánh bằng văn bản gửi về Ủy ban nhân dân xã (qua đồng chí Phạm Thị Lương – Công chức Văn phòng HĐND – UBND xã) tiếp nhận.

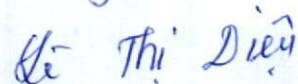
Toàn bộ cán bộ, công chức xã tham dự nhất trí với nội dung ghi trong biên bản và không ai có ý kiến nào khác. Biên bản kết thúc vào 9 giờ 00 phút cùng ngày và được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

THƯ KÝ


PHONG UBND
- PHẠM THỊ LƯƠNG

THÀNH PHẦN THAM GIA


Trần Văn Phong

Phạm Thị Thôi

Lê Thị Diệu



CHỦ TỌA

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

TRẦN VĂN PHONG

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	10.121.772	TỔNG SỐ CHI	10.121.722
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	370.000	I. Chi đầu tư phát triển	810.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.439.000	II. Chi thường xuyên	9.109.602
III. Thu bổ sung	8.312.772	III. Dự phòng	202.120
- Bổ sung cân đối ngân sách	8.312.772		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6 = 4/2
A	B	1	2	3	4		
	Tổng số thu ngân sách xã	29.319.134	16.719.674	12.257.772	10.121.772	41,81	60,54
A	Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc	29.319.134	16.719.674	12.257.772	10.121.772	41,81	60,54
I	Các khoản thu 100%	1.053.049	1.043.649	370.000	370.000	35,14	35,45
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	405.438	405.438	170.000	170.000	41,93	41,93
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước	571.730	571.730				
6	Thu kết dư ngân sách năm trước						
7	Thu khác (Thu quỹ phát triển nghĩa trang nhân dân, thu quỹ môi trường ...)	75.881	66.481	200.000	200.000	263,57	300,84
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	18.940.185	6.350.126	3.575.000	1.439.000	18,88	22,66
1	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	942.609	659.826	600.000	420.000	63,65	63,65
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	27.714	19.400	20.000	14.000	72,17	72,17
3	Phi môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	8.700	8.700				
4	Thu phí và lệ phí	36.724	36.724	40.000	40.000	108,92	108,92
5	Lệ phí trước bạ	313.219	219.253	200.000	140.000	63,85	63,85
6	Thuế giá trị gia tăng	175.510	175.510	15.000	15.000	8,55	8,55
7	Thu tiền cấp quyền sử dụng đất	17.435.710	5.230.713	2.700.000	810.000	15,49	15,49
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.357.154	8.357.154	8.312.772	8.312.772	99,47	99,47
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	6.419.984	6.419.984	8.312.772	8.312.772	129,48	129,48
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1.937.170	1.937.170				
IV	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nếu có)	968.745	968.745				

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2025			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYẾN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYẾN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYẾN
		1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
A	B									
	TỔNG CHI	8.488.984	1.350.000	7.138.984	10.121.772	810.000	9.311.772	119,23	60,00	130,44
	Trong đó:									
	Dự phòng chi				202.120		202.120			
A	Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	8.318.885	1.350.000	6.968.885	9.907.652	810.000	9.097.652	119,10	60,00	130,55
I	Chi đầu tư phát triển (1)	1.350.000	1.350.000		810.000	810.000		60,00	60,00	
1	Chi đầu tư XD CB	1.350.000	1.350.000		810.000	810.000		60,00	60,00	
2	Chi đầu tư phát triển khác									
II	Chi thường xuyên	6.968.885		6.968.885	9.097.652		9.097.652	130,55		130,55
I	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	1.515.310		1.515.310	1.565.403		1.565.403	103,31		103,31
1.1	Chi dân quân tự vệ	907.500		907.500	635.009		635.009	69,97		69,97
1.2	Chi an ninh trật tự	607.810		607.810	930.394		930.394	153,07		153,07
2	Chi sự nghiệp giáo dục	74.100		74.100	77.000		77.000	103,91		103,91
3	Chi sự nghiệp y tế	32.800		32.800	34.040		34.040	103,78		103,78
4	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	44.100		44.100	58.818		58.818	133,37		133,37
5	Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh	35.700		35.700	36.700		36.700	102,80		102,80
6	Sự nghiệp thể dục thể thao	12.300		12.300	12.000		12.000	97,56		97,56
7	Sự nghiệp kinh tế	503.550		503.550	425.098		425.098	84,42		84,42
7.1	SN giao thông	79.450		79.450	82.700		82.700	104,09		104,09
7.2	SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản	132.900		132.900	130.398		130.398	98,12		98,12
7.3	Thương mại									
7.4	Các sự nghiệp khác (Chi quy hoạch, đo đạc, khảo sát, hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho xóm NTM nâng cao...)	211.000		211.000	212.000		212.000	100,47		100,47
7.5	Chi sự nghiệp môi trường	80.200		80.200	93.000		93.000	115,96		115,96
8	Sự nghiệp xã hội	326.048		326.048	400.866		400.866	122,95		122,95

